

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2022/HCPT
Ngày: 24/6/2022
V/v: khởi kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;
Ông Hoàng Mạnh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 518/2021/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2021 do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5281/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Xuân T; sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn 7, xã L V, thành phố T Q, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Xuân T: Ông Lã Tân T – Luật sư Văn phòng Luật sư P T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt

*** *Người bị kiện:***

- Ủy ban nhân dân thành phố T Q, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân N – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố T Q, tỉnh Tuyên Quang (Giấy ủy quyền số 08/UQ-CT, ngày 16/3/2022). Xin xét xử vắng mặt

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S – Chức vụ: Chủ tịch

UBND tỉnh Tuyên Quang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế G – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang (Giấy ủy quyền số 17/UQ-CT, ngày 20/3/2022).
Xin xét xử vắng mặt

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân xã L V, thành phố T Q, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Duy T – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã L V, thành phố T Q, tỉnh Tuyên Quang. Xin xét xử vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn 7, xã L V, thành phố T Q, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lợi: Ông Nguyễn Xuân T; sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn 7, xã L V, thành phố T Q, tỉnh Tuyên Quang (Theo Giấy ủy quyền ngày 12/8/2021). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Nguồn gốc đất hiện tại của gia đình ông là được sử dụng ổn định từ năm 1983, 1 phần là do ông khai phá, 1 phần là mua lại của ông P bà L với tổng diện tích là 350m². Ông đi bộ đội từ năm 1978, trước khi đi bộ đội ông có khai phá 1 số diện tích đất nhỏ để lấy thóc nộp quỹ đoàn. Sau khi đi bộ đội, năm 1983 ông về và chuộc lại phần diện tích trên từ ông P bà L với giá trị là 360 kg thóc. Đất này chỉ là đất màu, sau chuyển sang cây lâu năm vào năm 2004.

Năm 1984 ông Nguyễn Xuân T có làm đơn xin cấp đất và làm nhà được UBND xã L V cho ông vào đất đồi chè của hợp tác xã, khu vực giáp với trường Tiểu học L V. Việc giao đất này là không có giấy tờ. Đến năm 1989, trường được mở rộng lấy vào phần diện tích đất của gia đình nên UBND xã L V và UBND huyện Y S giao cho ông 01 lô đất với diện tích là 710m², chiều bóm đường quốc lộ 2 là 23m, ông nộp 50.000đ lệ phí đất ở cho UBND xã L V do ông Phạm Văn L chủ tịch thu. Về giấy tờ giao đất và phiếu thu ông không còn lưu giữ vì lâu ngày chạy lút thất lạc và bị mối mọt. Đến năm 1991, vì khu vực này nằm dưới hành lang đường điện cao thế, sở điện lực không cho phép gia đình ông ở dưới hành lang điện (văn bản này ông đã gửi cho UBND huyện Y S, hiện ông không lưu giữ). Đến năm 1994 thì UBND huyện Y S và UBND xã L V đã chuyển gia đình ông lên chỗ ở hiện trạng bây giờ.

Đến năm 1994, UBND tỉnh ban hành quyết định 275 thu hồi đất để xây dựng Trạm kiểm soát lâm sản. Trong quyết định này không có tên ông, chỉ ghi là thu đất của UBND xã L V quản lý, dù ông là người đang sử dụng 1 phần diện tích đất này. Diện tích thu hồi là 352m², tờ bản đồ 26, số thửa 498. Trong

phần này thu hồi có diện tích 120m² là đất của gia đình ông. Như vậy phần diện tích đất của gia đình tổng 350m² đã bị thu hồi theo quyết định 275 là 120m², phần còn lại gồm có 2 mảnh, 1 mảnh diện tích khoảng 40m² nằm trước mặt đất gia đình đang sinh sống và còn lại 183,1m², ông sử dụng để trồng cây (số đo diện tích này theo kết quả đo đạc thẩm định của Tòa án năm 2013).

Đến năm 2004 ông đã làm đơn xin chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm xen kẽ khu dân cư sang đất thổ cư gửi các cơ quan cho đến nay nhưng không được giải quyết. Đến ngày 23/4/2021 ông nhận được văn bản số 1018 của UBND thành phố T Q trả lời ông về việc không chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho gia đình ông vì lý do đất đã bị thu hồi theo Quyết định số 143 ngày 13/4/2017 của UBND thành phố T Q về việc thu hồi đất xây dựng công trình Khu dân cư thôn chè 6, xã L V, thành phố T Q, tỉnh Tuyên Quang. Vào khoảng ngày 17-18/4/2017 ông có nhận được quyết định này, sau đó đến khoảng ngày 21-22/6/2017 ông đã làm đơn khiếu nại gửi các cơ quan với nội dung thu hồi đất không đúng quy định và bồi thường với mức giá thấp, không theo khung giá nào.

Đến năm 2018 ông được UBND thành phố T Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích là 170,5m² phần diện tích nhà ông đang ở, trên đất có nhà.

Đến năm 2019 UBND thành phố T Q thực hiện việc giao đất cho ông theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 22/5/2019, gia đình ông được giao 01 lô đất với diện tích 140m², có thu tiền sử dụng đất là 280.000.000đ, ông đã nộp đủ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông xác định ông được UBND thành phố T Q giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất là 280.000.000đ mà không được cấp 01 lô đất theo diện người chính sách người có công với cách mạng. Đề nghị UBND thành phố thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh và tỉnh ủy về việc cấp cho ông theo chế độ chính sách.

Đối với trả lời về việc chuyển đổi 183.1m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 498, tờ bản đồ số 26 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 196m², đất lúa), ông đề nghị hủy Quyết định số 143 nêu trên và các quyết định liên quan.

Tất cả các quyết định về thu hồi, bồi thường đối với 183,1m², ông đã nhận được trong năm 2017 và sau đó ông đã làm đơn khiếu nại. Hiện tại ông không chấp nhận tiền đền bù và không nhận số tiền này.

Ông Nguyễn Xuân T làm đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án:

+ Tuyên hủy Quyết định số 275/QĐ-UB ngày 10/5/1994 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao đất xây dựng trạm kiểm soát lâm sản tỉnh Tuyên Quang.

+ Tuyên hủy Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T Q về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của công dân.

+ Tuyên hủy Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố T Q về việc thu hồi đất xây dựng công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q. Quyết định này ông nhận ngày 17-18/4/2017.

+ Tuyên hủy Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố T Q về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q. Quyết định này ông nhận ngày 18/4/2017.

+ Tuyên hủy Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của UBND thành phố T Q về việc phê duyệt bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q.

Tại bản tự khai người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang trình bày ý kiến:

Ngày 10/5/1994, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 275/QĐ-UB về việc thu hồi, giao đất xây dựng Trạm kiểm soát lâm sản tỉnh Tuyên Quang, trong đó: Thu hồi tổng diện tích 352,5m² đất nông nghiệp do UBND xã L V, huyện Y S quản lý và giao diện tích đất thu hồi trên cho Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang để sử dụng vào mục đích xây dựng trạm kiểm soát lâm sản.

Từ thời điểm này (ngày 10/5/1994) đến năm 2005 (thời điểm ông T có đơn khiếu nại đòi đền bù), ông không có ý kiến, kiến nghị, đề nghị, khiếu nại gì về Quyết định số 275/QĐ-UB của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi, giao đất xây dựng Trạm kiểm soát lâm sản tỉnh Tuyên Quang.

Đến năm 2005, ông T có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện Y S và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y S ban hành Quyết định số 3988/QĐ-CT ngày 24/10/2006 về việc giải quyết khiếu nại của ông T. Không nhất trí với Quyết định số 3988/QĐ-CT của Ủy ban nhân dân huyện Y S, ông T tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1223/QĐ-CT ngày 13/8/2007 về việc giải quyết khiếu nại của ông T.

Không nhất trí với kết quả giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, ông Nguyễn Xuân T đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hủy bỏ một phần Quyết định số 275/QĐ-UB ngày 10/5/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh và trả lại 120m² đất đã thu hồi cho gia đình ông. Ngày 15/8/2013, Tòa án nhân dân tỉnh đã có Bản án số 01/2013/HC-ST bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

Không nhất trí với bản án số 01/2013/HC-ST ngày 15/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh, ông Nguyễn Xuân T đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân tối cao đề nghị giải quyết. Ngày 06/3/2015, Tòa án nhân dân tối cao đã có Quyết định số

24/2015/QĐ-PT hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính, ông Nguyễn Xuân T rút đơn khởi kiện và Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của ông T và xác định trước tòa: *“Nếu ông T có đơn xin được cấp đất thì chắc chắn UBND tỉnh Tuyên Quang sẽ xem xét và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, chính sách của nhà nước và điều kiện của tỉnh”*.

Đến ngày 22/6/2021, ông T tiếp tục gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang yêu cầu Tòa án “Tuyên hủy Quyết định số 275/QĐ-UB ngày 10/5/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi, giao đất xây dựng trạm kiểm soát lâm sản tỉnh Tuyên Quang”. Nội dung khởi kiện của ông T đã hết thời hiệu theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Tại Bản tự khai Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T Q, tỉnh Tuyên Quang trình bày:

Từ việc khiếu nại Quyết định số 275/QĐ-UB về việc thu hồi, giao đất xây dựng Trạm kiểm soát lâm sản của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang không được chấp nhận, sau đó khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, tại bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2013/HC-ST bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T, không nhất trí bản án sơ thẩm, ông T kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Ngày 30/7/2014, ông Nguyễn Xuân T có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố T Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ đã nộp từ tháng 5/2014.

Ngày 16/10/2014, ông Nguyễn Xuân T có đơn xin cấp đất thổ cư cho gia đình. Căn cứ đơn xin cấp đất thổ cư ngày 16/10/2014 của ông Nguyễn Xuân T; Căn cứ Văn bản số 997/UBND-TCD ngày 27/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn thư của công dân, Ủy ban nhân dân thành phố đã thành lập tổ tư vấn để kiểm tra, xác minh, đề xuất giải quyết nội dung đơn xin giao đất của ông Nguyễn Xuân T, thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q tại Quyết định số 1219/QĐ-CT ngày 13/5/2015.

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh, Ủy ban nhân dân thành phố đã báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho ông Nguyễn Xuân T 01 lô đất tại thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q tại Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 18/02/2016 và được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý tại Văn bản số 476/UBND-TCD ngày 09/3/2016.

Ngày 08/4/2016, Ủy ban nhân dân thành phố đã làm việc với ông Nguyễn Xuân T, tại buổi làm việc, ông T có ý kiến đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T 01 lô đất tại vị trí Trạm kiểm soát lâm sản hiện do Chi cục kiểm lâm tỉnh đang quản lý tại thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q. Diện tích, vị trí đất được giao thực hiện theo quy hoạch của thành phố.

Ngày 18/7/2016, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số

251/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q.

Ngày 13/4/2017, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 143/QĐ-UBND về việc thu hồi đất công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q, trong đó thu hồi 98,1m² đất bằng trồng cây hàng năm khác và 183,1m² đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Xuân T.

Ngày 14/4/2017, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 145/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q, trong đó phê duyệt bồi thường hỗ trợ cho ông Nguyễn Xuân T là 97.733.262 đồng (*Bồi thường về đất: 9.711.300 đồng; Bồi thường vật kiến trúc: 20.261.750 đồng; Bồi thường hoa màu: 20.184.712 đồng; Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: 47.575.500 đồng*).

Ngày 15/6/2017, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 203/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q.

* Về việc ban hành Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 về việc thu hồi đất công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q; Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q và Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 về việc phê duyệt bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q.

- *Về thẩm quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:* Ủy ban nhân dân thành phố T Q đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ủy quyền quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q tại Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 18/10/2016.

- *Về trình tự thực hiện:* Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T Q về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q;

Căn cứ Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 của Ủy ban

nhân dân thành phố T Q về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q;

Căn cứ Biên bản họp xét bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng ngày 05/01/2017 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q;

Căn cứ kết quả thẩm định Phương án số 07/PA-TTPTQĐ ngày 02/3/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q và Phương án số 25/PA-TTPTQĐ ngày 18/5/2017 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q (bổ sung).

Ủy ban nhân dân thành phố T Q đã ban hành Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 về việc thu hồi đất xây dựng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q; Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q và Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 về việc phê duyệt bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q.

Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố T Q đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự khi ban hành Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/4/2017; Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 và Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 15/6/2017. Do đó, việc ông Nguyễn Xuân T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh tuyên hủy các Quyết định trên là không có cơ sở giải quyết.

* Về nội dung tuyên hủy Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q.

Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q đã được Ủy ban nhân dân thành phố thu hồi lại ngay sau khi phát hành do sơ xuất trong việc xác định thẩm quyền ban hành văn bản.

Ngày 14/4/2017, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 145/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q để thay thế Quyết định 697/QĐ-UBND trên. Do đó, việc ông Nguyễn Xuân T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh tuyên hủy Quyết định số

697/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố là không có cơ sở xem xét giải quyết.

* Về nội dung tuyên hủy văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố T Q;

- Về đề nghị cấp cho gia đình ông Nguyễn Xuân T 01 lô đất theo chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước cho người có công với cách mạng: Ngày 16/10/2014, ông Nguyễn Xuân T có đơn xin cấp đất thổ cư cho gia đình. Ngày 18/02/2016, UBND thành phố có Báo cáo số 21/BC-UBND đề xuất giải quyết nội dung đơn của ông Nguyễn Xuân T, thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q. Ngày 09/3/2016, UBND tỉnh có Văn bản số 476/UBND-TCD về việc giải quyết đơn của công dân đồng ý đề xuất của UBND thành phố tại báo cáo số 21/BC-UBND ngày 18/02/2016 của UBND thành phố. Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại Văn bản số 476/UBND-TCD ngày 09/3/2019, Ủy ban nhân dân thành phố đã giao cho ông Nguyễn Xuân T lô đất số 01 tại Khu dân cư thôn Chè 6 (nay là thôn 7), xã L V, thành phố T Q với diện tích 140m²; hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất tại Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 746667 ngày 10/9/2019 (lô đất được giao trên ông T không được miễn, giảm tiền sử dụng đất do đã được miễn 343.000.000đ khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 13, diện tích 171,5m² tại thôn Chè 6 (nay là thôn 7, xã L V), thành phố T Q).

Căn cứ quy định về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở, Ủy ban nhân dân thành phố đã giao cho ông Nguyễn Xuân T lô đất số 01 tại Khu dân cư thôn Chè 6 (nay là thôn 7), xã L V, thành phố T Q với diện tích 140m² đất ở tại nông thôn; hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất tại Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 746667 (số vào sổ cấp GCN CH 001471) ngày 10/9/2019 cho ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị L.

Tại Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 31/2013-NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, quy định: “ *Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ được hỗ trợ cải thiện nhà ở tùy theo hoàn cảnh, công lao đóng góp của từng người và khả năng của Nhà nước, địa phương. Việc hỗ trợ cải thiện nhà ở căn cứ vào chế độ ưu đãi cao nhất mà người đó được hưởng và chỉ giải quyết một lần*”.

Vì vậy, nay ông tiếp tục đề nghị giao đất cho gia đình ông theo chế độ chính sách cho người có công với cách mạng là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

- Về nội dung đề nghị cho phép gia đình ông Nguyễn Xuân T chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích 183,1m² đất trồng cây lâu năm sang mục đích đất ở.

Ngày 18/7/2016, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 251/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Chè 6 (nay là thôn 7), xã L V, thành phố T Q. Ngày 13/4/2017, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 143/QĐ-UBND về việc thu hồi đất công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q, tổng diện tích đất thu hồi 643,4m², trong đó thu hồi của hộ ông Nguyễn Xuân T 281,5m² đất (98,1m² đất bằng trồng cây hàng năm khác và 183,1m² đất trồng cây lâu năm).

Ngày 14/4/2017, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 145/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q, trong đó phê duyệt bồi thường hỗ trợ cho ông Nguyễn Xuân T là 97.733.262 đồng (*bồi thường về đất: 9.711.300 đồng; bồi thường vật kiến trúc: 20.261.750 đồng; bồi thường hoa màu: 20.184.712 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: 47.575.500 đồng*).

Ngày 15/6/2017, Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Xuân T tại Quyết định số 203/QĐ-UBND (*do chênh lệch giá giữa đơn giá bồi thường tại Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh Tuyên Quang với đơn giá bồi thường tại Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang*) với tổng số tiền bồi thường về hoa màu là 8.681.858 đồng, nhưng ông T không nhận tiền bồi thường với lý do đơn giá bồi thường thấp.

Để giải quyết kiến nghị của ông T về đơn giá bồi thường, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Văn bản số 2054/UBND-TNMT ngày 29/9/2017 trả lời ông T về đơn giá bồi thường đất, vật kiến trúc hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu dân cư thôn Chè 6 (nay là thôn 7), xã L V và tổ chức làm việc với ông T vào ngày 04/10/2018 để phân tích, giải thích, làm rõ các nội dung có liên quan, tại buổi làm việc, ông T đã có ý kiến đề nghị giải quyết sau đối với diện tích đã thu hồi của gia đình tại Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 (*đến nay, ông Nguyễn Xuân T vẫn chưa nhận tiền bồi thường*).

Qua kiểm tra, phần diện tích 183,1m² đất trồng cây lâu năm ông đang đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất tại thôn 7 (*thôn Chè 6 cũ*), xã L V, thành phố T Q, Ủy ban nhân dân thành phố T Q đã thu hồi tại Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/4/2017; phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 và phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 15/6/2017.

Tại Khoản 11 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Nhà nước thu hồi đất là việc Nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất của người được Nhà nước trao quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất của người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai”.

Như vậy, hiện nay diện tích 183,1m² đất trồng cây lâu năm của ông đã bị Nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất. Do đó, việc ông đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố cho phép ông chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đối với phần diện tích trên là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Đề nghị ông liên hệ với Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố để nhận tiền bồi thường theo quy định.

Từ các căn cứ trên thấy rằng, việc UBND thành phố T Q ban hành Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 trả lời ông Nguyễn Xuân T là đúng quy định, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

Tại Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã L V trình bày ý kiến: UBND xã L V đã tham mưu cho UBND huyện Y S, sau đó là UBND thành phố T Q và thực hiện các quy định về thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đúng quy định của pháp luật. UBND xã L V không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định và không có yêu cầu độc lập.

Tại Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày ý kiến: Nhất trí với ý kiến và yêu cầu của người đại diện hộ gia đình là ông Nguyễn Xuân T, không có yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng không thành. Vì vậy Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2020; Khoản 11 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 31/2013-NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Đình chỉ yêu cầu tuyên hủy của người khởi kiện đối với:

- Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 10/5/1994 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao đất xây dựng Trạm kiểm soát lâm sản tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố T Q về việc thu hồi đất xây dựng công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q;

- Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố T Q về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi giải phóng mặt bằng công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q;

- Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của UBND thành phố T Q về việc phê duyệt bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi giải phóng mặt bằng công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q.

2. Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T V/v Tuyên hủy văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố T Q, tỉnh Tuyên Quang về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của công dân.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 20/9/2021, 29/9/2021, Người khởi kiện có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm? hay chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và các quyết định của UBND thành phố T Q?

Tại phiên tòa phúc thẩm

Ý kiến của Người khởi kiện và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Người khởi kiện: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố T Q và Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã L V: Vắng mặt tại phiên tòa

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Về việc chấp hành pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng đến trước khi nghị án.

Về nội dung kháng cáo:

- Về thời hiệu khởi kiện: Văn bản số 1018 ngày 23/4/2021 của UBND thành phố T Q đảm bảo thời hiệu khởi kiện. Các quyết định số 275, 143, 203 đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung Văn bản số 1018/UBND-TNMT, ngày 23/4/2021 của UBND thành phố T Q về việc trả lời đề nghị của công dân:

Về hình thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành văn bản: Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của công dân phù hợp với quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Về nội dung:

Về nội dung thứ nhất: Về đề nghị cấp cho gia đình ông T 01 lô đất theo chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước cho người có công với cách mạng, thấy: Căn cứ ý kiến của UBND tỉnh Tuyên Quang tại Văn bản số 476/UBND – TCD, ngày 09/3/2019, UBND thành phố T Q đã giao cho ông Nguyễn Xuân T lô đất số 01 tại khu dân cư thôn Chè 6 (Nay là thôn 7), xã L V với diện tích 140m²; hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất tại Quyết định số 101/QĐ-UBND, ngày 22/5/2019 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 746667, ngày 10/9/2019, người đứng tên sử dụng đất ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị L (Lô đất được giao này ông T không được miễn, giảm tiền sử dụng đất do đã được miễn 343.000.000đ khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 13, diện tích 171,5m² tại thôn Chè 6 (nay là thôn 7 xã L V), thành phố T Q ngày 16/3/2018.

Tại khoản 5 Điều 55 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP, ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, quy định: “*Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ được hỗ trợ cải thiện nhà ở tùy theo hoàn cảnh, công lao đóng góp của từng người và khả năng của Nhà nước, địa phương. Việc hỗ trợ cải thiện nhà ở căn cứ vào chế độ ưu đãi cao nhất mà người đó được hưởng và chỉ giải quyết một lần*”.

Vì vậy, nay ông T tiếp tục đề nghị giao đất cho gia đình ông theo chế độ chính sách cho người có công với cách mạng là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Về nội dung thứ hai: Đối với 183,1m² đất trồng cây lâu năm ông đang đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất tại thôn 7 (thôn Chè 6 cũ), xã L V, thành phố T Q, UBND thành phố T Q đã thu hồi tại Quyết định số 143/QĐ-UBND, ngày 13/4/2017; phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 145/QĐ-UBND, ngày 14/4/2017 và phê duyệt bổ sung tại Quyết định 203/QĐ-UBND ngày 15/6/2017. Do vậy, ông đề nghị UBND thành phố cho phép chuyển mục đích sử dụng sang đất ở đối với phần diện tích đất trên là không có cơ sở để xem xét.

Do vậy, Văn bản số 1018 ngày 23/4/2021 của UBND thành phố T Q được ban hành đúng quy định, ông Nguyễn Xuân T yêu cầu hủy là không có căn cứ.

Việc ông Nguyễn Xuân T yêu cầu hủy các quyết định sau là không có cơ sở xem xét giải quyết, vì:

Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố T Q về việc thu hồi đất xây dựng khu dân cư thôn Chè 6, xã L V. Ông T nhận Quyết định ngày 18/4/2017.

Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V đã được UBND thành phố thu hồi lại ngay sau khi phát hành do sơ suất trong việc xác định thẩm quyền ban hành văn bản. Ngày 14/4/2017, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 145/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V để thay thế Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố.

Quyết định 203/QĐ-UBND, ngày 15/6/2017 của UBND thành phố T Q về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V. Ông T nhận được Quyết định này vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2017

Quyết định số 275/QĐ-UBND, ngày 10/5/1994 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao đất xây dựng Trạm kiểm soát lâm sản tỉnh Tuyên Quang, thời hiệu khởi kiện đã hết.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 22/2021/HC-ST, ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Xuân T trong thời hạn luật định, hình thức, nội dung phù hợp quy định, do vậy được xem xét theo trình thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 14/5/2021, ông Nguyễn Xuân T đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang yêu cầu hủy Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T Q về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của công dân là đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý, giải quyết vụ án hành chính về việc yêu cầu hủy Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu hủy Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày

23/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T Q về việc trả lời đơn đề nghị của công dân, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5] Về hình thức của Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T Q về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của công dân phù hợp với quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2020.

[6] Căn cứ Điều 28 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố T Q ban hành Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của công dân là đúng thẩm quyền.

[7] Về trình tự, thủ tục ban hành Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T Q: Ông Nguyễn Xuân T có đơn đề nghị với nội dung đề nghị được cấp cho ông 01 lô đất theo chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước cho người có công với cách mạng và cho phép gia đình ông chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích 183,1m² đất trồng cây lâu năm. Ngày 19/4/2021, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T Q có Báo cáo số 19/BC-TNMT đối với trường hợp ông Nguyễn Xuân T. Sau khi xem xét toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình giải quyết nội dung đề nghị của ông Nguyễn Xuân T, căn cứ các quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 trả lời ông Nguyễn Xuân T là đúng quy định

[8] Về nội dung Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố T Q:

[9] *Về đề nghị cấp cho gia đình ông Nguyễn Xuân T 01 lô đất theo chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước cho người có công với cách mạng:*

[10] Ngày 30/7/2014, ông Nguyễn Xuân T có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ đã nộp từ tháng 5/2014.

[11] Ngày 16/10/2014, ông Nguyễn Xuân T có đơn xin cấp đất thổ cư cho gia đình. Căn cứ đơn xin cấp đất thổ cư ngày 16/10/2014 của ông Nguyễn Xuân T; Căn cứ Văn bản số 997/UBND-TCD ngày 27/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn thư của công dân, Ủy ban nhân dân thành phố đã thành lập tổ tư vấn để kiểm tra, xác minh, đề xuất giải quyết nội dung đơn xin giao đất của ông Nguyễn Xuân T, thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q tại Quyết định số 1219/QĐ-CT ngày 13/5/2015.

[12] Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh, Ủy ban nhân dân thành phố đã báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho ông Nguyễn Xuân T 01 lô đất tại thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q tại Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 18/02/2016.

[13] Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại Văn bản số 476/UBND-TCD ngày 09/3/2019, Ủy ban nhân dân thành phố đã giao cho ông Nguyễn Xuân T lô đất số 01 tại Khu dân cư thôn Chè 6 (nay là thôn 7), xã L V, thành phố T Q với diện tích 140 m² đất ở tại nông thôn; hình thức giao

đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất tại Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 746667 ngày 10/9/2019 cho ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị L (*lô đất được giao trên ông T không được miễn, giảm tiền sử dụng đất do đã được miễn 343.000.000đ khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 13, diện tích 171,5m² tại thôn Chè 6 (nay là thôn 7, xã L V), thành phố T Q ngày 16/3/2018*).

[14] Tại Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 31/2013-NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, quy định: “*Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ được hỗ trợ cải thiện nhà ở tùy theo hoàn cảnh, công lao đóng góp của từng người và khả năng của Nhà nước, địa phương. Việc hỗ trợ cải thiện nhà ở căn cứ vào chế độ ưu đãi cao nhất mà người đó được hưởng và chỉ giải quyết một lần*”.

[15] Vì vậy, nay ông tiếp tục đề nghị giao đất cho gia đình ông theo chế độ chính sách cho người có công với cách mạng là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

[16] *Về nội dung đề nghị cho phép gia đình ông Nguyễn Xuân T chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích 183,1 m² đất trồng cây lâu năm sang mục đích đất ở.*

[17] Qua kiểm tra, phần diện tích 183,1m² đất trồng cây lâu năm ông T đang đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất tại thôn 7 (*thôn Chè 6 cũ*), xã L V, thành phố T Q, Ủy ban nhân dân thành phố T Q đã thu hồi tại Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/4/2017; phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 và phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 15/6/2017.

[18] Tại Khoản 11 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Nhà nước thu hồi đất là việc Nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất của người được Nhà nước trao quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất của người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai*”.

[19] Như vậy, hiện nay diện tích 183,1 m² đất trồng cây lâu năm của ông đã bị Nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất. Do đó, ông đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố cho phép ông chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đối với phần diện tích trên là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

[20] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T Q về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của công dân là có căn cứ, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Văn bản số 1018/UBND-TNMT ngày 23/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T Q là đúng quy định của pháp luật. Ông T kháng cáo tiếp tục yêu cầu hủy Văn bản 1018, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Do vậy, kháng cáo không được chấp nhận.

[21] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy các quyết định, gồm: Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố T Q về việc thu hồi đất xây dựng công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q. Quyết định này ông T nhận ngày 18/4/2017; Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q. Quyết định số 145/QĐ-UBND, ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của UBND thành phố T Q về việc phê duyệt bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q. Ông nhận được quyết định này vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2017. Hội đồng xét xử thấy:

[22] Ngày 18/7/2016, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 251/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Chè 6 (nay là thôn 7), xã L V, thành phố T Q. Ngày 13/4/2017, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 143/QĐ-UBND về việc thu hồi đất công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q, tổng diện tích đất thu hồi 643,4m², trong đó thu hồi của hộ ông Nguyễn Xuân T 281,5m² đất (98,1m² đất bằng trồng cây hàng năm khác và 183,1m² đất trồng cây lâu năm). Ngày 13/4/2017, Chủ tịch UBND thành phố T Q ban hành Quyết định số 697/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q. Ngay sau khi phát hành, Quyết định số 697/QĐ-UBND đã được Ủy ban nhân dân thành phố thu hồi lại do sơ xuất trong việc xác định thẩm quyền ban hành văn bản và Ủy ban nhân dân thành phố T Q đã ban hành thay thế bằng Quyết định số 145/QĐ-UBND, ngày 14/4/2017 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình khu dân cư thôn Chè 6, xã L V, thành phố T Q, trong đó phê duyệt bồi thường hỗ trợ cho ông Nguyễn Xuân T là 97.733.262 đồng (*bồi thường về đất: 9.711.300 đồng; bồi thường vật kiến trúc: 20.261.750 đồng; bồi thường hoa màu: 20.184.712 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: 47.575.500 đồng*). Ngày 15/6/2017, Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Xuân T tại Quyết định số 203/QĐ-UBND (*do chênh lệch giá giữa đơn giá bồi thường tại Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh Tuyên Quang với đơn giá bồi thường tại Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang*) với tổng số tiền bồi thường về hoa màu là 8.681.858 đồng, nhưng ông T không nhận tiền bồi thường với lý do đơn giá bồi thường thấp.

[23] Không đồng ý về đơn giá bồi thường, ông T đã có đơn kiến nghị. Ngày 29/9/2017, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Văn bản số 2054/UBND-TNMT, trả lời ông T về đơn giá bồi thường đất, vật kiến trúc hoa

màu khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu dân cư thôn Chè 6 (nay là thôn 7), xã L V và tổ chức làm việc với ông T vào ngày 04/10/2018 để phân tích, giải thích, làm rõ các nội dung có liên quan, tại buổi làm việc, ông T đã có ý kiến đề nghị giải quyết sau đối với diện tích đã thu hồi của gia đình tại Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 (đến nay, ông Nguyễn Xuân T vẫn chưa nhận tiền bồi thường). Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2021, ông T khẳng định đều đã nhận được các quyết định hành chính nên trên còn lại trong năm 2017. Sau đó ông T không tiếp tục khiếu nại, cũng không có đơn khởi kiện, đến ngày 14/5/2021, ông Nguyễn Xuân T mới nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/4/2017, Quyết định số 145/QĐ-UBND, ngày 14/4/2017, Quyết định số 203/QĐ-UBND là hết thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[24] Đối với Quyết định số 275/QĐ-UB ngày 10/5/1994 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao đất xây dựng trạm kiểm soát lâm sản tỉnh Tuyên Quang, ông Nguyễn Xuân T khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang yêu cầu giải quyết và tại bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2013/HC-ST, ngày 15/8/2013 của TAND tỉnh Tuyên Quang đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T, không nhất trí bản án sơ thẩm, ông T kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Tại Quyết định số 24/2015/QDD-PT, ngày 06/3/2015 của Tòa án nhân dân tối cao đã hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án do ông T rút đơn khởi kiện. Và từ đó đến ngày 14/5/2021, ông Nguyễn Xuân T mới nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 275 là hết thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính

[25] Từ các phân tích nêu trên thấy, việc ông Nguyễn Xuân T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh tuyên hủy các quyết định hành chính số 143, số 145, số 203 và số 275 nêu trên là không có cơ sở xem xét giải quyết, do hết thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với các quyết định này là có căn cứ. Ông T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông là không có căn cứ chấp nhận.

[26] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang là có căn cứ.

[27] Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T là người có công với cách mạng, được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

2. Tuyên xử:

2.1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Xuân T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2.2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T được miễn án phí hành chính phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoa

